TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/07/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thanh Bình**.
2. Bà **Bùi Thị Thu Nhi**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Lễ** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 257/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST – HN ngày 14 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kiều C**, sinh năm 1983.

ĐKTT: N, phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

Nơi ở: A, TT V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị C có đơn xin vắng mặt)

2. **Bị đơn**: Anh **Đỗ Hoàng L**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: L, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều Chinh trình bày:**

Chị Phạm Thị Kiều C và anh Đỗ Hoàng L tự nguyện sống chung vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 20/05/2005. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng sau đó

hàn gắn lại được, sống chung vợ chồng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh L không quan tâm đến vợ con, thiếu sự tôn trọng và quan tâm chia sẻ trong gia đình, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Anh chị đã tự ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hoàng L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Phạm Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2006 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 12/5/2014 hiện nay cháu N và cháu K đang sống với cha. Anh Đỗ Hoàng L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Quỳnh N và cháu Đỗ Tuấn K theo nguyện vọng của các cháu. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Hoàng L, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trừ bị đơn vắng mặt không lý do không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Kiều C được ly hôn với anh Đỗ Hoàng L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Phạm Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2006 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 12/5/2014 hiện nay cháu N và cháu K đang sống với cha. Anh Đỗ Hoàng L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Quỳnh N và cháu Đỗ Tuấn K theo nguyện vọng của các cháu. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều C là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn anh Đỗ Hoàng L cư trú tại L, ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền

Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều C vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt, chị Chinh có yêu cầu giải quyết vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Kiều C.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Hoàng L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều C và anh Đỗ Hoàng L tự nguyện sống chung từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang ngày 20/05/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẩn giữa chị Phạm Thị Kiều C và anh Đỗ Hoàng L là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh L không quan tâm đến vợ con, thiếu sự tôn trọng và quan tâm chia sẻ trong gia đình, vợ chồng không nói chuyện với nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kiều C và anh Đỗ Hoàng L không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã tự ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Do vậy chị Phạm Thị Kiều C yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hoàng L là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kiều C là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Phạm Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2006 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 12/5/2014 hiện nay cháu Như và cháu Kiệt đang sống với anh L. Anh Đỗ Hoàng L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Quỳnh N và cháu Đỗ Tuấn K theo nguyện vọng của các cháu. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kiều C trình bày chị và anh Đỗ Hoàng L không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Kiều C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kiều C.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều C được ly hôn với anh Đỗ Hoàng L.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Phạm Quỳnh N, sinh ngày 01/4/2006 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 12/5/2014. Anh Đỗ Hoàng L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Quỳnh N và cháu Đỗ Tuấn K theo nguyện vọng của các cháu. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền nầy.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kiều C trình bày chị C và anh Đỗ Hoàng L không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Kiều C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0023695 ngày 12 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND. TP M, Tiền Giang;
- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang;
- UBND xã B, H G, Tiền Giang;
- Các đương sự;

Võ Thị Thuận Thảo